TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CAO BẰNG** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 163/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 07/9/2017
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CAO BẰNG- TỈNH CAO BẰNG

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Lê Na

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lã Văn Luật

2. Ông Nông Văn Vụ

***Thư ký phiên toà*:** Ông Lục Trường Anh - Thư ký Toà án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng tham gia phiên tòa: Ông Phạm Thanh Giang - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2017. Tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng. Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng tiến hành xét xử công khai vụ án thụ lý số: 84/2017/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 5 năm 2017 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 133/2017/HNGĐST-QĐ ngày 23 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị La Thị Huyền T - Sinh năm 1989; Dân tộc: Nùng;

HKTT: Tổ MT, phường HG, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng;

Cư trú tại: Tổ ML, phường SH, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng;

(Có mặt).

Bị đơn: Anh Dương Đình C - Sinh năm 1985; Dân tộc: Kinh;

HKTT: Tổ MT, phường HG, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng;

(Hiện nay đang bị tạm giam tại Trại giam công an tỉnh Thái Nguyên).

(Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 12/5/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn là chị La Thị Huyền T trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị La Thị Huyền T và anh Dương Đình C kết hôn vào ngày 14/3/2015, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, có tổ

chức lễ cưới ở hai bên gia đình, ngày 24/11/2015 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường HG, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng. Khi cưới, chị T làm giáo viên tại Trung tâm Giáo dục nghề nghiệp và Giáo dục thường xuyên huyện PH, tỉnh Cao Bằng, còn anh C công tác tại Ủy ban nhân dân phường HG.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc đến tháng 6/2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và anh C sử dụng ma túy. Vợ chồng nhiều lần xảy ra cãi vã nhau, mặc dù gia đình, bạn bè khuyên giải động viên anh C cai nghiện và sửa chữa sai lầm nhưng anh C không sửa đổi, vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2016 cho đến nay. Tháng 6/2017 anh C bị Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt về tội "Mua bán trái phép chất ma túy", đến ngày 24/8/2017 bị Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng xử phạt về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Tại tòa chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh C.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị T và anh C có 01 con chung tên là Dương Tú A (Giới tính: Nữ) - sinh ngày 21/12/2015. Sau khi ly hôn, chị T sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Chị T xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Nợ chung, nợ riêng: Không có, không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai của anh Dương Đình C và biên bản lấy lời khai do Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên lập ngày 24/7/2017, bị đơn là anh Dương Đình C trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh C nhất trí với ý kiến của chị T về điều kiện và thời gian kết hôn. Anh C xác định vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp. Anh xác định vợ chồng sống ly thân từ tháng 6/2016 cho đến nay. Trong trường hợp chị T kiên quyết ly hôn, anh C cũng nhất trí ly hôn theo như yêu cầu của chị T.

Theo bản án số 229/2017/HSST ngày 21/6/2017, anh C đã bị Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên xử phạt 36 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và bị tạm giam tại Trại tạm giam công an tỉnh Thái Nguyên.

- Về con chung: Anh C xác nhận quá trình chung sống chị T và anh C có 01 con chung tên là Dương Tú A (Giới tính: Nữ) - sinh ngày 21/12/2015; Do hiện nay bản thân anh C đang bị tạm giam nên sau khi ly hôn, con chung sẽ do chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh C xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, nợ riêng và không yêu cầu tòa án giải quyết.

Đồng thời, anh C yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng xét xử ly hôn vắng mặt anh C.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng ra Quyết định ủy thác thu thập chứng cứ số 07/ 2017/QĐ - TUTA ngày 20/6/2017 cho Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên tiến hành tống đạt thông báo thụ lý cho anh Dương Đình C, cho anh C viết bản tự khai và lập biên bản lấy lời khai trong trường hợp anh C khai không đầy đủ hoặc không rõ.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cao Bằng phát biểu: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, Kiểm sát viên phát biểu về việc giải quyết vụ án như sau: Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Viện kiểm sát nhận thấy chị T và anh C đều thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn, cả hai bên nhất trí thuận tình ly hôn, do đó đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn ly hôn của chị T, cho chị T được ly hôn với anh C. Về con chung: Hai bên đã thỏa thuận được với nhau nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và công nhận. Về tài sản chung, nợ chung, nợ riêng: chị T và anh C đều xác nhận không có nên không đặt ra vấn đề giải quyết. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và ban hành bản án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, sau khi xem xét đầy đủ ý kiến trình bày của nguyên đơn, bị đơn, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử xét thấy:

1.Về mặt tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng đã ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện Phú Lương, tỉnh Thái Nguyên tống đạt Thông báo thụ lý vụ án cho bị đơn là anh Dương Đình C hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam công anh tỉnh Thái Nguyên. Đồng thời, ủy thác cho Tòa án nhân dân huyện Phú Lương cho anh C viết bản tự khai, lập biên bản lấy lời khai theo đúng quy định của pháp luật. Do vậy, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 2 Điều 207 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đồng thời, anh C đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xét xử vắng mặt. Do đó Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

2.Về hôn nhân: Chị La Thị Huyền T kết hôn với anh Dương Đình C vào ngày 14/3/2015, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, ngày 24/11/2015 có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường HG, thành phố CB, tỉnh Cao Bằng. Như vậy quan hệ hôn nhân giữa chị La Thị Huyền T và anh Dương Đình C là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

3. Về yêu cầu ly hôn của nguyên đơn:

Tòa án tiến hành xác minh nguyên nhân mâu thuẫn của chị T và anh C, kết quả xác minh cho thấy chị T và anh C có phát sinh mâu thuẫn với nhau từ năm

2016 và nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm, tính tình không hòa hợp, ngoài ra nguyên nhân còn do anh C nghiện ma túy.

Hội đồng xét xử xét thấy: Chị T và anh C đều thừa nhận hai vợ chồng trong quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn và nguyên nhân chính là vợ chồng bất đồng quan điểm, đồng thời là do anh C nghiện ma túy. Sau khi mâu thuẫn xảy ra, gia đình họ hàng đã khuyên bảo nhiều lần nhưng đều không đạt kết quả. Vợ chồng có thời gian sống ly thân từ tháng 6/2016 cho đến nay, đồng thời trong thời gian đó các bên không có biện pháp nào khắc phục tình cảm vợ chồng; ngày 21/6/2017 anh C bị Tòa án nhân dân thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt 36 tháng tù về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" và ngày 24/8/2017 anh C bị Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, tỉnh Cao Bằng xử phạt 09 năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Hai vợ chồng anh C và chị T đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau về mọi mặt trong cuộc sống gia đình, ai biết bổn phận của người đó theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình. Tại Điều 19 của luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định*: "Vợ chồng có nghĩa vụ, thương yêu, chung thuỷ, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình".*

Đồng thời, tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, chị T và anh C đều xác định vợ chồng nhất trí thuận tình ly hôn và yêu cầu tòa giải quyết cho ly hôn.

Như vậy, quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh C lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, mâu thuẫn đã được hòa giải nhiều lần nhưng đều không đạt kết quả và đã thỏa mãn căn cứ cho ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình: *"Khi vợ hoặc chồng yêu cầu ly hôn mà hòa giải tại Tòa án không thành thì Tòa án giải quyết cho ly hôn nếu có căn cứ về việc vợ, chồng có hành vi bạo lực gia đình hoặc vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được".* Do đó, cho chị T và anh C ly hôn theo đơn khởi kiện của chị T, ý kiến của anh C cũng như quan điểm giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ.

4.Về con chung: Chị T và anh C có 01 con chung tên là Dương Tú A (Giới tính: Nữ) - sinh ngày 21/12/2015; Do hiện nay bản thân anh C đang bị tạm giam nên sau khi ly hôn, chị T và anh C đều thống nhất: Con chung sẽ do chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy: Căn cứ vào điều kiện hoàn cảnh hiện nay của chị T và anh C, xem xét nguyện vọng của con chung cần chấp nhận giao con chung cho chị T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp, đảm bảo điều kiện vật chất, nhu cầu phát triển toàn diện về mọi mặt của con chung và đúng quy định của pháp luật.

5.Về tài sản chung: Chị T và anh C đều xác nhận không có tài sản chung. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề giải quyết trong vụ án này.

Nợ chung, nợ riêng: Hội đồng xét xử không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết do hai bên đương sự xác nhận không có nợ chung, nợ riêng và không yêu cầu tòa án giải quyết

6. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị La Thị Huyền T và anh Dương Đình C.

2. Về nuôi con chung: Giao con chung tên là Dương Tú A (Giới tính: Nữ) - sinh ngày 21/12/2015 cho chị La Thị Huyền T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung cho đến khi con chung đủ tuổi trưởng thành. Không đặt ra vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con.

3. Về chia tài sản chung: Không có, không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung, nợ riêng: Không có, không đặt ra vấn đề xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị La Thị Huyền T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm để sung công quỹ nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị T đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số AA/2016/0000106 ngày 18/5/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố Cao Bằng. Chị T đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5.Về quyền kháng cáo: Chị La Thị Huyền T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Dương Đình C được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh CB;
- VKSND TPCB;
- THADS TPCB;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Lê Na